

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày 30-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Giới

Ông Nguyễn Tiến Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28, 29, 30 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST-DSTC ngày 22 tháng 04 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 08 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-DSTC ngày 26/8/2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 19/TB-TA ngày 11/6/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/2020/QĐST-DSTC ngày 29/09/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện LN, tỉnh BG.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Trương Thị V, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện LN, tỉnh BG.

2. Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Kim Xa, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Đoàn Thị Ng, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện LN, tỉnh BG.

3. Bà Vũ Thị P1, sinh năm 1960 (có mặt ngày 28, 29/09/2020, vắng mặt ngày 30/09/2020)

Địa chỉ: Thôn Triệu, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Ông Vũ Văn S, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện LN, tỉnh BG

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

1. Ông Thân Văn Dũng – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang. (có mặt ngày 28/09/2020, vắng mặt ngày 29, 30/09/2020)

2. Bà Nguyễn Thị Mai - Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện LN, tỉnh BG.

2. Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện LN, tỉnh BG.

3. Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện LN, tỉnh BG

4. Bà Đoàn Thị Ng, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện LN, tỉnh BG

5. Ông Vũ Khắc Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt ngày 28, 30/09/2020, có mặt ngày 29/09/2020)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện LN, tỉnh BG.

6. Bà Trương Thị V, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện LN, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11/9/2019 cùng các lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn P và người đại diện theo ủy quyền bà Trương Thị V thống nhất trình bày: Vợ chồng bà và vợ chồng ông Vũ Văn S, bà Trịnh Thị Đ1 (đã chết) có quan hệ họ hàng với nhau. Ngày 30/12/2016 vợ chồng ông S, bà Đ1 có sang gia đình bà hỏi vay số tiền 70.000.000 đồng, đến ngày 13/5/2018 ông S, bà Đ1 có sang hỏi vay tiếp số tiền 80.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 150.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ và thỏa thuận lãi suất miệng là 1.5%/tháng. Thời hạn thanh toán là khi nào gia đình ông bà cần thì báo trước cho gia đình ông S, bà Đ1 05-07 ngày thì ông S, bà Đ1 sẽ thanh toán trả số tiền đã vay. Khi viết giấy tờ vay nợ thì ông S, bà Đ1 cùng ký tên vào giấy tờ vay nợ. Quá trình vay mượn, ông S, bà Đ1 đã thanh toán trả cho gia đình bà được hai lần tiền lãi, cụ thể: Ngày 30/5/2017 trả 5.250.000 đồng của khoản tiền lãi vay ngày 30/12/2016, lần hai trả 10.000.000 đồng vào tháng 03/2018 trả tiền lãi cho khoản vay ngày 30/12/2016. Đối với khoản vay ngày 13/5/2018 ông S, bà Đ1 chưa trả khoản tiền lãi nào. Đến tháng 12/2018 thì vợ chồng bà sang yêu cầu vợ chồng ông S, bà Đ1 thanh toán trả khoản tiền đã vay là 150.000.000 đồng nhưng ông S, bà Đ1 chưa thanh toán trả. Đến cuối tháng 12/2018 (âm lịch) thì bà Đ1 chết. Vợ chồng bà đã đến gia đình yêu cầu ông S trả số tiền đã vay nhưng ông S cho rằng bà Đ1 giữ tiền, hiện bà Đ1 đã chết nên ông S không có trách nhiệm trả nợ. Vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Văn S phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi của khoản

tiền vay tính theo quy định của pháp luật tính từ ngày 13/05/18 cho đến khi xét xử vụ án.

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/8/2019 cùng các lời khai nguyên đơn ông Phạm Hồng T và người đại diện theo ủy quyền bà Đoàn Thị Ng thống nhất trình bày: Ngày 17/01/2019 vợ chồng bà cho vợ chồng ông Vũ Văn S, bà Trịnh Thị Đ1 vay số tiền là 120.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Khi viết giấy tờ vay nợ ông S, bà Đ1 đều ký vào giấy tờ vay nợ. Đến ngày 21/01/2019 thì bà Đ1 chết. Vợ chồng bà có đến yêu cầu ông S trả khoản tiền vay nhưng ông S không đồng ý trả. Nay vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Văn S phải thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc đã vay là 120.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền vay tính từ ngày 17/01/2019 cho đến khi xét xử theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định”

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/8/2019 cùng các lời khai nguyên đơn và Vũ Thị P1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Khắc Đ thống nhất trình bày: Vợ chồng bà và vợ chồng ông Vũ Văn S, bà Trịnh Thị Đ1 có quan hệ họ hàng. Ngày 06/7/2018, vợ chồng ông S, bà Đ1 có vay của vợ chồng bà số tiền là 100.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ và vợ chồng ông S, bà Đ1 có ký tên vào giấy tờ vay nợ. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ thỏa thuận miệng là khi nào vợ chồng bà đòi và thông báo trước thì ông S, bà Đ1 sẽ trả khoản tiền vay. Đến ngày 21/01/2019 bà Đ1 chết. Vợ chồng bà có đến gia đình ông S yêu cầu ông S phải thanh toán trả khoản tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng tuy nhiên ông S không đồng ý trả. Nay vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Văn S phải thanh toán trả vợ chồng bà số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền vay tính từ ngày 06/7/2018 cho đến khi xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trương Thị V là người đại diện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Bà và ông P yêu cầu ông Vũ Văn S phải trả vợ chồng bà số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền gốc tính từ ngày 13/5/2018 đến khi xét xử theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1.5%/tháng và bà V xác nhận vợ chồng bà đã nhận của bà Đ1 tổng số tiền lãi là 15.250.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị P1 và ông Vũ Khắc Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những lời khai đã trình bày. Bà P1 xác định bà Đ1 mất ngày 21/01/2019 thì đến ngày 21/02/2019 bà sang nhà ông S gặp ông S đòi tiền mà vợ chồng ông S đã vay.

Tại phiên tòa bà Đoàn Thị Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những lời khai đã trình bày và vẫn giữ nguyên việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của ông Vũ Văn S. Bà Ng xác định sau khi bà Đ1 mất được 01 tuần thì bà có đến gặp ông S yêu cầu trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 04/10/2019 bị đơn là ông Vũ Văn S trình bày: Ông S là chồng của bà Trịnh Thị Đ1. Khi còn sống bà Đ1 làm tổ trưởng tổ vay vốn của thôn Triệu. Về những khoản nợ như những nguyên đơn trình bày ông xác nhận

là chữ ký trên những giấy tờ vay nợ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là chữ ký do ông ký. Tuy nhiên, việc vợ ông là bà Đ1 vay tiền của những nguyên đơn như thế nào ông không được biết, và không được tiêu và bà Đ1 không sử dụng những khoản tiền đó vào mục đích của gia đình. Ngày 21/01/2019 bà Đ1 mất không để lại di chúc, việc bà Đ1 và những nguyên đơn vay nợ như thế nào ông không biết nên ông không đồng ý trả nợ. Tại biên bản hòa giải ngày 29/07/2020 ông S đồng ý trả hết những khoản nợ trên khi ông S có tiền, còn hiện tại ông S không có khả năng chi trả. Về yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà Đoàn Thị Ng quan điểm của ông S đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông S vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị H, anh Vũ Văn T1 thống nhất trình bày: Chị H, anh T1 là con của ông Vũ Văn S, bà Trịnh Thị Đ1. Bà Đ1 mất ngày 21/01/2019, trước khi chết bà Đ1 không để lại di chúc, chị H, anh T1 lớn lên xây dựng gia đình và ra ở riêng kinh tế không chung với ông S, bà Đ1. Khi còn sống bà Đ1 làm tổ trưởng tổ vay vốn của thôn Triệu với Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Lục Nam, phòng giao dịch Cẩm Lý. Khi còn sống bà Đ1 có vay tiền của một số người như thế nào chị H, anh T1 không được biết. Nay những người cho bà Đ1 vay tiền khởi kiện yêu cầu ông Vũ Văn S và chị Vũ Thị H, anh Vũ Văn H1, anh Vũ Văn T1 phải thanh toán khoản vay mà bà Đ1 đã vay quan điểm của chị H, anh T1 là đây là khoản tiền vay của bố mẹ chị, chị H, anh T1 không được biết và chị H, anh T1 không liên quan gì tới số nợ trên, do đó, chị H, anh T1 không đồng ý trả nợ như những người cho vay nợ yêu cầu, chị H, anh T1 xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn H1 không đưa ra ý kiến về yêu cầu khởi kiện của những nguyên đơn.

Tại phiên tòa chị Vũ Thị H, anh Vũ Văn T1, anh Vũ Văn H1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P:

+ Buộc ông Vũ Văn S phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Trương Thị V tổng số tiền 157.563.100 đồng trong đó số tiền gốc là 134.750.000 đồng và tiền lãi 22.813.100 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng T.

+ Buộc ông Vũ Văn S phải trả cho vợ chồng ông Phạm Hữu Tuyên và bà Đoàn Thị Ng tổng số tiền 140.036.400 đồng trong đó số tiền gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi 20.036.400 đồng

Giữ nguyên biên pháp áp dụng khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Phụng

+ Buộc ông Vũ Văn S phải trả cho vợ chồng bà Vũ Thị Phụng, ông Vũ Khắc Đ tổng số tiền 116.097.000 đồng trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 16.097.000 đồng.

Miễn án phí cho ông Vũ Văn S.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Vũ Văn S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị H, anh Vũ Văn H1, anh Vũ Văn T1 đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay ông S, chị H, anh T1, anh H1 vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[1.2] Ngày 22/04/2020, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý 03 vụ án dân sự tranh chấp số 28, 29, 30, bị đơn của ba vụ án trên là ông Vũ Văn S. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đề nghị nhập cả 03 vụ án trên làm một để giải quyết vụ án cho đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã ra quyết định nhập vụ án thụ lý số 28, 29, 30 ngày 22/04/2020 thành một vụ án thụ lý số 30 theo quy định tại Điều 42 BLTTDS.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của ông Nguyễn Văn P, HĐXX thấy:

[2.1.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Ngày 30/12/2016 vợ chồng ông S, bà Đ1 có sang gia đình ông P hỏi vay số tiền 70.000.000 đồng, đến ngày 13/5/2018 ông S, bà Đ1 có sang hỏi vay tiếp số tiền 80.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 150.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ và không ghi lãi suất. Thời hạn thanh toán là khi nào gia đình ông P cần thì báo trước cho gia đình ông S, bà Đ1 05-07 ngày thì ông S, bà Đ1 sẽ thanh toán trả số tiền đã vay. Khi viết giấy tờ vay nợ thì ông S, bà Đ1 cùng ký tên vào giấy tờ vay nợ. Ngày 21/01/2019 bà Đ1 chết, vợ chồng ông P bà V đã sang đòi tiền ông S nhiều lần

nhưng ông S không trả. Trong quá trình làm việc ông S cũng xác nhận có việc vay tiền như ông P, bà V trình bày, tuy nhiên hiện nay bà Đ1 đã chết và ông không có tiền nên khi nào có tiền thì ông S trả. Do đó, ông P yêu cầu khởi kiện ông S phải thanh toán trả số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc 150.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn P do bà Trương Thị V đại diện tính từ ngày viết giấy vay nợ lần hai ngày 13/5/2018 đến ngày xét xử là ngày 30/9/2020, HĐXX thấy: Hợp đồng vay tiền giữa vợ chồng ông P, bà V với vợ chồng ông S, bà Đ1 ký kết với nhau không thỏa thuận thời hạn trả, do đó xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn, ngày 21/01/2019 bà Đ1 chết, ông P, bà V sang yêu cầu ông S thanh toán khoản tiền vay nhưng ông S không thanh toán, do đó, xác định thời điểm ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ được tính từ ngày 21/01/2019, do đó, yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc là 150.000.000 đồng của ông P, bà V tính từ ngày viết giấy vay nợ lần hai ngày 13/5/2018 đến ngày 30/9/2020 là không đúng, mà chỉ chấp nhận tính lãi của khoản tiền gốc 150.000.000 đồng mà ông S, bà Đ1 đã vay tính từ ngày 21/01/2019 đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 30/9/2020. Kể từ thời điểm bà Đ1, ông S vay tiền của vợ chồng ông P, bà V thì vợ chồng bà Đ1 mới thanh toán trả cho vợ chồng ông P, bà V số tiền lãi là 15.250.000 đồng. Qua làm việc ông S xác định ông không biết số tiền trên bà Đ1 trả cho vợ chồng ông P, bà V khi nào và là trả tiền gì. Tại phiên tòa bà V không đưa ra được căn cứ để xác định khoản tiền ông Đang, bà San đã trả là tiền lãi nên HĐXX thấy cần xác định số tiền 15.250.000 đồng mà ông P, bà V đã nhận là tiền gốc bà Đ1 đã trả. Do đó, số tiền gốc mà bà Đ1, ông S còn nợ là 134.750.000 đồng. Về mức lãi xuất yêu cầu áp dụng, HĐXX thấy: Khi vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời điểm tính lãi từ ngày 21/01/2019 đến khi xét xử, do các bên không thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 BLDS để áp dụng mức lãi suất 10%/năm tức 0.833%/tháng tức 0.03%/ngày vẫn đảm bảo đúng theo quy định theo Điều 357, Điều 466 BLDS năm 2015.

Căn cứ Điều 468, khoản 2 Điều 357 BLDS lãi suất của khoản tiền vay được tính như sau:

Lãi suất 10%/năm tức 0.833%/tháng tức 0.03%/ngày. Thời gian tính lãi từ ngày 21/01/2019 đến ngày 30/9/2020 là 02 năm 04 tháng 15 ngày. Số tiền lãi là $(134.750.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 0.833\%) + (134.750.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ ngày} \times 0.03\%) = 22.813.100 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 157.563.100 đồng.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của ông Phạm Hồng T, HĐXX thấy:

[2.2.1] Về yêu cầu trả tiền gốc: Ngày 17/01/2019 vợ chồng ông T, bà Ng cho vợ chồng ông Vũ Văn S, bà Trịnh Thị Đ1 vay số tiền là 120.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Khi viết giấy tờ vay nợ ông S, bà Đ1 đều ký vào giấy tờ vay nợ. Đến ngày 21/01/2019 thì bà Đ1 chết. Vợ chồng ông T, bà Ng có đến yêu cầu ông S trả khoản tiền vay nhưng ông S không đồng ý trả. Trong quá trình làm việc ông S cũng xác nhận có việc vay tiền như ông T, bà Ng trình bày, tuy nhiên hiện nay bà Đ1 đã chết và ông không có tiền nên khi nào có tiền thì ông S trả. Do đó, ông

T yêu cầu khởi kiện ông S phải thanh toán trả số tiền gốc đã vay là 120.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2] Về yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc 120.000.000 đồng của ông Phạm Hồng T do bà Đoàn Thị Ngoan đại diện tính từ ngày hai bên chốt giấy vay nợ từ ngày 17/01/2019 đến ngày xét xử là ngày 30/9/2020, HĐXX thấy: Hợp đồng vay tiền giữa vợ chồng ông T, bà Ng và vợ chồng ông S, bà Đ1 là hợp đồng vay không kỳ hạn, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Bà Đ1 chết ngày 21/01/2019, đến ngày 01/02/2019 thì bà Ng sang yêu cầu thanh toán trả tiền nợ, nhưng ông S không trả, do đó, xác định ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ được tính từ ngày 01/02/2019, nên việc ông T yêu cầu ông S phải thanh toán khoản tiền lãi của khoản tiền vay 120.000.000 đồng tính từ thời điểm hai bên chốt nợ ngày 17/01/2019 đến ngày xét xử 30/9/2020 là không đúng, mà chỉ được chấp nhận thời gian tính lãi từ ngày vợ chồng ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 01/02/2019 đến khi xét xử. Về mức lãi xuất yêu cầu áp dụng, HĐXX thấy: Khi vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời điểm tính lãi từ ngày 01/02/2019 đến khi xét xử, do các bên không thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 BLDS để áp dụng mức lãi suất 10%/năm tức 0.833%/tháng tức 0.03%/ngày vẫn đảm bảo đúng theo quy định theo Điều 357, Điều 466 BLDS năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 BLDS lãi suất của khoản tiền vay được tính như sau:

Lãi suất 10%/năm tức 0.833%/tháng tức 0.03%/ngày. Thời gian tính lãi từ ngày 01/02/2019 đến ngày 30/9/2020 là 01 năm 07 tháng 29 ngày. Số tiền lãi là $(120.000.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} \times 0.833\%) + (120.000.000 \text{ đồng} \times 29 \text{ ngày} \times 0.03\%) = 20.036.400 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 140.036.400 đồng.

[2.2.3] Về yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà Đoàn Thị Ng đối với tài sản của ông Vũ Văn S là “Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định”, HĐXX thấy cần giữ nguyên biện pháp áp dụng khẩn cấp tạm thời này để đảm bảo cho việc thi hành án sau này.

[2.3] Về yêu cầu đòi nợ gốc và nợ lãi của bà Vũ Thị Phụng, HĐXX thấy:

[2.3.1] Về yêu cầu đòi tiền gốc: Ngày 06/7/2018, vợ chồng ông S, bà Đ1 có vay của vợ chồng bà Phụng, ông Đ số tiền là 100.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy tờ vay nợ và vợ chồng ông S, bà Đ1 có ký tên vào giấy tờ vay nợ. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ thỏa thuận miệng là khi nào bà Phụng, ông Đ đòi và thông báo trước thì ông S, bà Đ1 sẽ trả khoản tiền vay. Đến ngày 21/01/2019 thì bà Đ1 chết. Vợ chồng bà Phụng, ông Đ có đến yêu cầu ông S trả khoản tiền vay nhưng ông S không đồng ý trả. Trong quá trình làm việc ông S cũng xác nhận có việc vay tiền như bà Phụng, ông Đ trình bày, tuy nhiên hiện nay bà Đ1 đã chết và ông không có tiền nên khi nào có tiền thì ông S trả. Do đó, bà Phụng yêu cầu khởi kiện ông S phải thanh toán trả số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3.2] Về yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc 100.000.000 đồng của bà Vũ Thị P1 và ông Vũ Khắc Đ từ ngày hai bên viết giấy vay nợ từ ngày 06/7/2018 đến ngày xét xử là ngày 28/9/2020, HĐXX thấy: Hai bên viết giấy vay nợ không

thỏa thuận lãi suất, không ấn định ngày trả, do đó xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn, ngày 21/01/2019 bà Đ1 chết, đến ngày 21/02/2019 vợ chồng bà P1 sang yêu cầu ông S thanh toán khoản vay, tuy nhiên ông S không trả, do đó, xác định ông S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 21/02/2019. Nên yêu cầu tính lãi của khoản tiền 100.000.000 đồng của vợ chồng bà P1, ông Đ được tính từ thời điểm ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 21/02/2019 đến khi xét xử là có căn cứ để chấp nhận. Về mức lãi xuất yêu cầu áp dụng, HĐXX thấy: Khi vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời điểm tính lãi là ngày 21/02/2019, do các bên không thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 468 BLDS để áp dụng mức lãi suất 10%/năm tức 0.833%/tháng tức 0.03%/ngày vẫn đảm bảo đúng theo quy định theo Điều 357, Điều 466 BLDS năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 BLDS lãi suất của khoản tiền vay được tính như sau:

Lãi suất 10%/năm tức 0.833%/tháng tức 0.03%/ngày. Thời gian tính lãi từ ngày 21/02/2019 đến ngày 30/9/2020 là 01 năm 07 tháng 09 ngày. Số tiền lãi là $(100.000.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} \times 0.833\%) + (100.000.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ ngày} \times 0.03\%) = 16.097.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 116.097.000 đồng.

[2.4] Thời điểm ký giấy tờ vay nợ, bà Đ1, ông S vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận, việc bà Đ1, ông S vay tiền đều có chữ ký của hai vợ chồng. Nên xác định khoản vay này là khoản vay của vợ chồng bà Đ1, ông S không liên quan đến các con của bà Đ1, ông S. Nay bà Đ1 chết không để lại di chúc gì nên cần ông Vũ Văn S phải trả các khoản nợ trên theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là ông Vũ Văn S phải chịu toàn bộ án phí DSST. Tuy nhiên, do ông S là người cao tuổi và là thương binh nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho ông Vũ Văn S.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn P số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí bà P1 đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2017/0004277 ngày 09/09/2019 của Chi cục THADS huyện Lục Nam.

Hoàn trả bà Vũ Thị P1 số tiền 2.800.000 đồng tạm ứng án phí bà P1 đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2017/0004277 ngày 09/09/2019 của Chi cục THADS huyện Lục Nam.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P:

+ Buộc ông Vũ Văn S phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Trương Thị V tổng số tiền 157.563.100 đồng trong đó số tiền gốc là 134.750.000 đồng và tiền lãi 22.813.100 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng T.

+ Buộc ông Vũ Văn S phải trả cho vợ chồng ông Phạm Hữu Tuyên và bà Đoàn Thị Ng tổng số tiền 140.036.400 đồng trong đó số tiền gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi 20.036.400 đồng

Giữ nguyên biên pháp áp dụng khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Phụng

+ Buộc ông Vũ Văn S phải trả cho vợ chồng bà Vũ Thị Phụng, ông Vũ Khắc Đ tổng số tiền 116.097.000 đồng trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 16.097.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn P, bà Vũ Thị Phụng, ông Phạm Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Vũ Văn S không trả số tiền trên, thì hàng tháng ông S còn phải trả cho ông P, bà Phụng, ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Miễn án phí DSST cho ông Vũ Văn S.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn P số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí bà P1 đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2017/0004277 ngày 09/09/2019 của Chi cục THADS huyện Lục Nam.

Hoàn trả bà Vũ Thị P1 số tiền 2.800.000 đồng tạm ứng án phí bà P1 đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2017/0004277 ngày 09/09/2019 của Chi cục THADS huyện Lục Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định